



**TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP**

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 07/11/2019)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	13,000
2	Xà lách búp	18,000
3	Cải bắp tròn	7,000
4	Cải ngọt	10,000
5	Cải bẹ xanh	17,000
6	Rau muống nước	21,000
7	Rau muống hạt	8,000
8	Cải thìa	10,000
9	Rau quế	14,000
10	Bầu	5,000
11	Su su	4,000
12	Khoai lang bí	10,000
13	Cà chua	9,000
14	Bông cải xanh	33,000
15	Cà rốt	17,000
16	Củ cải trắng	7,000
17	Su hào	9,000
18	Đậu hà lan	80,000
19	Đậu cove trắng	13,000
20	Khoai tây hồng	38,000
21	Bí đỏ	5,000
22	Bí xanh	6,000
23	Khổ qua	9,000
24	Dưa leo	7,000
25	Đậu bắp	14,000

26	Cà tím	5,000
27	Ớt cay Batri	25,000
28	Chanh giấy	15,000
29	Tỏi	140,000
30	Hành lá (hành hương)	18,000
31	Ngò rí	33,000
32	Rau dền	9,000
II	Trái cây	
1	Cam sành	10,000
2	Cam xoan	28,000
3	Quýt đường	32,000
4	Quýt tiêu	
5	Bưởi da xanh	33,000
6	Bưởi năm roi	28,000
7	Xoài Đài Loan	13,000
8	Xoài cát Hòa Lộc	75,000
9	Xoài ghép	9,000
10	Xoài cát chu	28,000
12	Dưa hấu dài đỏ	9,000
13	Dưa hấu sọc	10,000
15	Thanh Long Bình Thuận	10,000
16	Thanh Long Long An	
17	Đu đủ	
18	Chôm chôm thái	25,000
19	Chôm chôm nhãn	24,000
20	Mãng cầu tròn	11,000
21	Nhãn huế	
22	Nhãn xuong	43,000
23	Lồng mứt	30,000
		43,000
		15,000
		65,000
		43,000
		53,000
		90,000

28,000
